

Số: 164 /NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Luật Giá năm 2012; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số 2489/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023 và các văn bản tiếp thu số 2665/UBND-NLN1 ngày 25 tháng 9 năm 2023; số 2993/UBND-NLN1 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi như sau:

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

ĐVT: Đồng/ha/vụ

TT	Vùng và biện pháp công trình	Đơn giá dịch vụ
1	Khu vực miền núi	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000
2	Khu vực đồng bằng	

TT	Vùng và biện pháp công trình	Đơn giá dịch vụ
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.646.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399.000

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì đơn giá bằng 60% đơn giá tại biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì đơn giá bằng 40% đơn giá tại biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì đơn giá bằng 50% đơn giá tại biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì đơn giá bằng 70% đơn giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá được tính tăng thêm 20% so với đơn giá tại biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng đơn giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì đơn giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% đơn giá quy định tại biểu trên.

2. Đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% đơn giá đối với đất trồng lúa tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn giá cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo như sau (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

a) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% đơn giá quy định tại Biểu trên.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả,

hoa, cây được liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), đơn giá bằng 80% đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị đơn giá bằng 5% đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên cơ sở giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./-*rs*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ9. *luc*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Ký